|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  | | --- | --- | | **BCH ĐOÀN TỈNH TUYÊN QUANG**  **\*\*\*** | **ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH** |   **TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN**  **THÁNG 4/2020**  **---------------**  **NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ BÁC**  **CHUYỆN KỂ BÁC HỒ: Tôi bao giờ cũng là… người yêu nước**  Để chuẩn bị lực lượng giành chính quyền, Đảng ta chủ trương thành lập trường đào tạo cán bộ quân sự và chính trị tại chiến khu Tân Trào. Trường được đặt tên là Trường Quân chính kháng Nhật. Khóa học đầu tiên khai giảng vào cuối tháng 4 năm 1945.  Sau cách mạng tháng Tám, trường chuyển về Thông (Sơn Tây), lấy tên là Trường Huấn luyện cán bộ và bắt tay vào đào tạo khóa 6. Một thời gian sau trường đổi tên thành Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn.  2015  Ngày 26/5/1946 Bác Hồ trao tặng lá cờ “Trung với nước, Hiếu với dân” cho Trường Sĩ quan Lục quân 1  Đầu năm 1946, Bác đến thăm trường. Cả trường ùa ra đón vị cha già của dân tộc. Xe đỗ từ xa, Bác xuống đi bộ cùng với các đồng chí phụ trách trường và một số cán bộ đi theo. Người vào thăm nhà bếp, nhà ăn, khu vệ sinh, các phòng ở của học viên, rồi mới đến hội trường nói chuyện. Học viên của trường lúc này gồm nhiều cán bộ hoạt động bí mật có thành tích ở khắp cả ba miền đất nước, cũng có một số học viên còn trẻ tuổi, mới tham gia công tác sau khi cách mạng thành công. Đa số học viên đều chưa rõ lãnh tụ Hồ Chí Minh có phải là nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc không. Vì vậy, khi Bác đến thăm trường, nhiều người muốn nhân cơ hội này thỏa mãn nỗi thắc thỏm đó.  Sau khi nói chuyện với bạn bộ và học viên, Bác ra xe đi về. Đó là cơ hội tốt để các học viên nhìn Bác cho rõ. Rất nhiều người chìa sổ tay ghi chép của mình ra xin chữ ký của Bác để làm kỷ niệm. Lúc đầu còn ít sổ, trước ký tên, Bác viết thêm dòng chữ như: “Cố gắng học tốt”. “Chăm chỉ học tập và rèn luyện”, “Học đi đôi với hành”,… Về sau ai cũng chìa sổ ra Bác chỉ còn đủ thời gian ký tên. Khi cuốn sổ cuối cùng được Bác ký xong, thì thấy có một người đứng cạnh Bác, hỏi:  - Thưa cụ, cháu chưa rõ Cụ là ai. Có phải Cụ chính là Nguyễn Ái Quốc không ạ?  Bác cười độ lượng và cất giọng dịu hiền:  - Xin các bạn nhớ cho, lúc nào và bao giờ tôi cũng là người yêu nước.  **Theo sách Chuyện kể về Bác Hồ, NXB Giáo dục Việt Nam**  **THEO DÒNG LỊCH SỬ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **30-4-1975:NGÀY GIẢI PHÓNG SÀI GÒN THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC** |  |

|  |
| --- |
| Mùa Xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam ta đã ghi một chiến công vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử anh hùng của dân tộc: sau 55 ngày đêm tiến công thần tốc đã quét sạch toàn bộ chế độ thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, giải phóng miền Nam thân yêu, giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước.  Tháng Giêng năm 1973, Hiệp định Paris được ký kết. Mặc dầu đã bị thất bại nặng nề, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai vẫn ngoan cố theo đuổi âm mưu áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới lên toàn bộ miềnNam nước ta. Chúng đã trắng trợn chà đạp hầu hết các điều khoản chủ yếu của Hiệp định, tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới trên quy môn lớn bằng các kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ" và những cuộc hành quân "bình định" lấn chiếm vùng giải phóng, chồng chất muôn vàn tội ác đối với đồng bào ta.  Đánh giá đúng âm mưu của kẻ thù, Đảng ta nhận định rằng, bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng phải là con đường bạo lực, kiên quyết dùng chiến tranh cách mạng đánh bại cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới của Mỹ - ngụy.  Sau hai năm 1973, 1974 và nhất là từ chiến thắng giải phòng toàn tỉnh Phước Long, cục diện chiến trường miền Nam đã thay đổi một cách căn bản, có lợi cho ta. Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, tháng 10-1974 và đầu năm 1975, đã kịp thời đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, vạch rõ sự xuất hiện của thời cơ lịch sử và hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt mùa Xuân năm 1975.  Ngày 10-3-1975 cuộc Tổng tiến công chiến lược và nổi dậy vĩ đại được mở đầu bằng trận đánh hết sức táo bạo, bất ngờ của quân ta vào thị xã Buôn Mê Thuột - một vị trí then chốt, hiểm yếu trong hệ thống phòng ngự của quân địch ở Tây Nguyên. Trận đánh trúng huyệt đó đã làm rung chuẩn toàn bộ Tây Nguyên và bắt đầu quá trình sụp đổ không thể cứu vãn nổi của ngụy quân và ngụy quyền Sài Gòn. Sau thất bại nặng nề và choáng váng đó, quân ngụy phải rút khỏi Kon Tum và Plây Cu ngày 24-3, cả vùng Tây Nguyên rộng lớn đã được hoàn toàn giải phóng.  Một cao trào tiến công và nổi dậy đã dâng lên mạnh mẽ ở các tỉnh ven biển miền Trung Trung Bộ. Các tỉnh thành được giải phóng với một nhịp độ dồn dập.  Ngày 24-3, tỉnh Quảng Ngãi với thị xã Quảng Ngãi.  Ngày 28-3, tỉnh Quảng Nam với thị xã Tam kỳ.  Ngày 1-4, tỉnh Bình Định với thị xã Quy Nhơn  Cùng ngày, tỉnh Phú Yên với thị xã Tuy Hòa.  Ngày 2-4, tỉnh Lâm Đồng với thị xã Bảo Lộc  Ngày 3-4, tỉnh Khánh Hòa với thành phố Nha Trang.  Ngày 4-4, tỉnh Tuyên Đức với thành phố Đà Lạt.  Trong khi chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc, ngay từ trung tuần tháng 3, chiến dịch tiến công lớn thứ hai của quân ta vào tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế và căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng đã được quyết định. Thừa Thiên - Huế và Đà Nẵng là những khu vực phóng ngự mạnh nhất của quân ngụy ở quân khu I.  Sau 4 ngày chiến đấu và nổi dậy phối hợp của quần chúng, trưa ngày 26-3-1975 quân ta đã tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế, giải phóng cố đô huế. Trận thắng vẻ vang này đã khẳng định quân ta và dân ta không những có khả năng tiêu diệt những tập đoàn phòng ngự mạnh của địch ở chiến trường rừng núi mà cũng hoàn toàn có khả năng đập tan những tập đoàn phòng ngự mạnh của địch ở thành phố và đồng bằng ven biển.  Ngày 24-3, thị xã Tam Kỳ được giải phóng. Đà Nẵng trở nên hoàn toàn cô lập.  Sau khi mất Huế, Nguyễn Văn Thiệu hò hét quyết "tử thủ" Đà Nẵng bằng bất cứ giá nào. Đà Nẵng là một căn cứ quân sự liên hợp hải, lục không quân hiện đại, mạnh vào bậc nhất ở miền Nam với 10 vạn tên lính. Tàu chiến Mỹ kéo đến rập rình ven biển Đà Nẵng làm lực lượng "ngăn đe".  Sáng ngày 28-3, từ nhiều hướng khác nhau quân ta tiến công dồn dập và mạnh mẽ vào Đà Nẵng. Đông đảo quần chúng và các lực lượng tự vệ, biệt động trong và ngoài thành phố đã nổi dậy mạnh mẽ và phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực. Đúng 15 giờ ngày 29-3, từ các hướng tiến quân các binh đoàn thần tốc của ta đã gặp nhau ở trung tâm Đà Nẵng.  Như vậy, chỉ trong 32 giờ, quân và dân ta đã tiêu diệt hoàn toàn căn cứ quân sự liên hợp mạnh vào bậc nhất của địch. Hệ thống phòng ngự chiến lược mới của địch ở miền Trung bị quét sạch. Quân khu I của ngụy bị xóa sổ. Sau trận đại bại ở Đà Nẵng, quân ngụy lâm vào tình trạng tuyệt vọng. Mỹ và tay sai hết sức kinh hoàng. Tướng Uây-en, cựu tư lệnh quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, được lệnh vội vã sang miền Nam bày mưu, đốc thúc bọn tay sai xây dựng hệ thống phòng thủ mới từ Phan Rang đến Cần Thơ nhằm bảo vệ cho Sài Gòn - sào huyệt cuối cùng của chúng.  Phối hợp với các chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẫng, quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, kịp thời chiếm thị xã An Lộc và giải phóng toàn tỉnh Bình Long, mở rộng vùng giải phóng ở Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long An, Long Khánh, Bình Tuy và nhiều tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long.  Với những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược cực kỳ to lớn của chiến dịch Tây Ninh và Huế - Đà Nẵng, cục diện chiến tranh đã có bước phát triển nhảy vọt, thời cơ lớn để tiêu diệt toàn bộ ngụy quân và ngụy quyền đã tới. Từ giữa hạ tuần tháng 3, trong khi chiến dịch Thừa Thiên - Huế sắp kết thúc thắng lợi, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chính thức hạ quyết tâm mở chiến dịch lịch sử có ý nghĩa quyết định nhằm đập tan toàn bộ lực lượng ngụy quân, ngụy quyền còn lại, giải phòng hoàn toàn miền Nam. Chiến dịch lịch sử này được vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.  Tháng 4, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng bắt đầu. Ngày 19-4, quân ta đã hoạt động mạnh trên hướng đông, đánh vào Xuân Lộc (thuộc tỉnh Long Khánh). Ngày 16-4, quân ta giải phóng Phan Rang (Ninh Thuận), tiếp đó lần lượt giải phóng tỉnh bình Thuận với thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Tân với thị xã Hàm Tân. Ngày 21-4, sau những trận chiến đấu ác liệt, quân địch ở Xuân Lộc buộc phải rút chạy. Cùng ngày, Nguyễn Văn Thiệu, tên tay sai đắc lực của Mỹ, buộc phải từ chức và chạy trốn ra nước ngoài.  Ngày 26-4, từ 17 giờ quân ta mở cuộc tiến công lớn trên hướng đông và nam Sài Gòn, xiết chặt vòng vây chung quanh Sài Gòn. Ngày 28-4, không quân ta tiến công sân bay Tân Sơn Nhất.  Đến 28-4, tất cả các cánh quân lớn của ta đã bao vây chặt Sài Gòn. Giờ tận số của chế độ Mỹ - ngụy đã điểm! Hoảng loạn, vội vã, hàng vạn nhân viên quân sự, dân sự và bọn tay sai đầu sỏ tháo chạy khỏi miền Nam. Mỹ đã cố xoay sở cứu vãn tình thế, nhưng chúng đã phải bó tay và cuối cùng phải bỏ cuộc.  Đúng 0 giờ ngày 29-4-1975, các binh đoàn chủ lực hùng mạnh của ta từ nhiều hướng đồng loạt tổng công kích vào Sài Gòn - sào huyệt cuối cùng của kẻ thù. Với ưu thế áp đảo, quân ta ào ạt tiến công, vừa bao vây tiêu diệt địch ở vòng ngoài, vừa thần tốc, táo bạo thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu quan trọng ở bên trong. Lực lượng tại chỗ và quần chúng trong và ngoài thành phố đã nổi dậy, phối hợp với các binh đoàn chủ lực.  Sáng ngày 30-4, một mũi thọc sâu của quân ta đánh thẳng vào trung tâm thành phố, nhanh chóng chiếm phủ tổng thống ngụy. Ngụy quyền trung ương ở Sài Gòn đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Lá cờ cách mạng phấp phới tung bay trên nóc "dinh Độc Lập" - phủ tổng thống ngụy. Lúc đó đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 lịch sử.  Thừa thắng xông lên, từ ngày 30-4, đồng bào và chiến sĩ các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đã đồng loạt tiến công và nổi dậy. Toàn bộ lực lượng quân ngụy còn lại đã phải hạ vũ khí đầu hàng. Ngày 1 tháng 5, toàn bộ lãnh thổ trên đất liền miền Nam nước ta đã được hoàn toàn giải phóng. Ngày 2 tháng 5, các đảo Côn Sơn, Phú Quốc được giải phóng. Trước đó, trong tháng 4 quân ta đã giải phóng các hòn đảo dọc bờ biển Trung và Nam Trung Bộ, và những đảo thuộc quần đảo Trường Sa do quân ngụy chiếm giữ.  Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã toàn thắng. Miền Nam nước ta đã hoàn toàn giải phóng. Trong 55 ngày đêm chiến đấu dồn dập và thần tốc, anh dũng và táo bạo, quân và dân ta đã đập tan hoàn toàn bộ máy chiến tranh khổng lồ và hiện đại của quân ngụy đông tới 1.351.000 tên, được xếp vào loại mạnh nhất ở Đông Nam á, đã xóa bỏ hoàn toàn bộ máy ngụy quyền từ trung ương tới cơ sở mà Mỹ đã dày công gây dựng và nuôi dưỡng từ hơn hai chục năm nay. Chế độ thực dân mới đã hoàn toàn bị sụp đổ. Tổng tiến công và nỗi dậy mùa Xuân 1975 đã đập tan toàn bộ lực lượng quân sự địch:  1 - Số quân:  - Chủ lực: 690.000 tên  - Địa phương: 353.500 tên  - Cảnh sát: 111.700 tên  - Phòng vệ dân sự: 1.400.000 tên (số có vũ trang 380.000 tên).  2 - Về đơn vị chiến đấu:  - Chủ lực: 13 sư đoàn, 15 trung đoàn, 68 tiểu đoàn, 15 liên đoàn quân biệt động.  - Bảo an: 367 tiểu đoàn và 84 đại đội.  - Dân vệ: 5.200 trung đội.  - Cảnh sát dã chiến: 75 đại đội.  - Quân cảnh: 12 tiểu đoàn và II đại đội.  3 - Lực lượng yểm trợ:  - Pháo binh: 66 tiểu đoàn và 164 trung đội gồm 1.492 khẩu pháo các loại.  - Pháo phòng không: 7 tiểu đoàn gồm 168 khẩu.  - Thiết lập: 22 tiểu đoàn và 51 chi đoàn gồm 2.074 xe tăng, xe bọc thép.  - Không quân: 66 chi đoàn, gần 1.850 máy bay các loại (có 30 chiếc F5E).  + Máy bay chiến đấu: 22 phi đoàn với 510 chiếc.  + Máy bay lên thẳng: 25 phi đoàn với 900 chiếc  + Máy bay vận tải: 5 phi đoàn với 80 chiếc  - Hải quân: 22 trung đoàn với 1.611 tàu các loại.  Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài nhất, gian khổ nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị kéo dài 117 năm của đế quốc xâm lược trên đất nước ta, làm cho Tổ quốc ta vĩnh viễn độc lập, thống nhất và đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội. Dân tộc ta bước vào kỷ nguyên phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử 4.000 năm của mình - kỷ nguyên Độc lập, Tự do và Chủ nghĩa xã hội.  Đối với đế quốc Mỹ, đây là một thất bại nặng nề nhất, nghiêm trọng nhất trong toàn bộ lịch sử 200 năm của nước Mỹ. Thất bại đó đã đánh dấu một thời kỳ suy sụp mới, toàn diện của chủ nghĩa đế quốc Mỹ - "Thời kỳ sau Việt Nam" và khẳng định sự phá sản không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.  Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc. Thắng lợi đó đã mở ra một thời kỳ mới vô cùng thuận lợi cho phong trào cách mạng thế giới, càng thúc đẩy mạnh mẽ thế tiến công chiến lược của ba dòng thác cách mạng.  Thắng lợi của Việt Nam một lần nữa làm sáng tỏ chân lý vĩ đại: "Trong thời đại ngày nay, khi các lực lượng cách mạng thế giới ở thế tiến công, một dân tộc nước không rộng, người không đông, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác-Lê-nincó đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh thắng mọi thế lực đế quốc xâm lược, dù đó là tên đế quốc đầu sỏ" (nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt Nam). |

***Nguồn: lichsuvietnam.vn***

**Chiến thắng Điện Biên Phủ**

**và chất nhân văn của Đại tướng**

Trong lịch sử quân sự thế giới có lẽ hiếm có một người nào xuất thân từ một thầy giáo dạy sử; chưa từng kinh qua một trường lớp chính quy nào về quân sự lại được ủy thác “tướng quân tại ngoại” cầm quân đương đầu với một đội quân xâm lược nhà nghề tinh nhuệ với hơn 16 nghìn người. Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp là một trường hợp đặc biệt như vậy.

Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu diễn ra cách đây đã 62 năm, nhưng “Điện Biên Phủ - Võ Nguyên Giáp” luôn là cụm từ được người dân cất lên với lòng tự hào, kính trọng mỗi khi nhắc tới sự kiện lịch sử trọng đại này.

Trong lòng nhân dân, Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp không chỉ là một danh tướng, một “nhà chính trị đi trước nhà quân sự”, mà còn là một “cây đại thụ rợp bóng nhân văn”.

Chất nhân văn trong con người “Võ Đại tướng” ở mặt trận Điện Biên Phủ được biểu hiện qua những mối quan hệ chủ yếu: Với tập thể, với bộ đội, với đối phương và với chính bản thân.

Trước hết, có thể nói Võ Nguyên Giáp là một con người "Dĩ công vi thượng", luôn biết đề cao vai trò của tập thể, có ý thức phục tùng tổ chức, kể cả trong những trường hợp khi được giao những việc không thuộc “sở trường, sở đoản” và ông có quyền tự quyết.

Những lúc như vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn biết kiên trì chịu đựng, biết hành động, biết nói đúng lúc, đúng chỗ để không làm ảnh hưởng đến tập thể, đến quân đội, đến lợi ích dân tộc.

|  |
| --- |
| đại tướng Võ Nguyên Giáp Vũng Chùa, chiến thắng Điên Biên Phủ |
| *Vị Đại tướng huyền thoại của nhân dân* |

Ở mặt trận Điện Biên Phủ, tuy là người chỉ huy cao nhất được Bác Hồ và Bộ Chính trị trao toàn quyền quyết định mọi vấn đề, nhưng vị Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận Võ Nguyên Giáp không vì thế mà lạm dụng.

Trước khi quyết định những vấn đề hệ trọng, bao giờ ông cũng đưa ra thảo luận ở tập thể Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch, tham khảo ý kiến của Đoàn cố vấn nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao.

Tại Hội nghị Thẩm Púa (ngày 14-1-1954), khi Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch với sự nhất trí cao thông qua phương châm tác chiến “đánh nhanh, giải quyết nhanh”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tỏ ra băn khoăn, trăn trở về sự bảo đảm yếu tố “chắc thắng” nếu đánh theo phương châm này.

Trên cương vị Chỉ huy trưởng chiến dịch kiêm Bí thư Đảng ủy, ông có quyền bác bỏ, hoặc đưa ra ý kiến phản biện, nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã không hành động như vậy, bởi theo ông, mình là người lên Điện Biên sau, chưa nắm được nhiều về tình hình chiến trường nên cần phải tin tưởng và tôn trọng ý kiến của tập thể, tin tưởng vào số anh em tiền trạm lên Điện Biên trước.

Và sau đó, vị Tư lệnh chiến dịch đã phải trải qua 11 ngày đêm mất ăn, mất ngủ nghiên cứu, đánh giá, nắm lại tình hình thực tế diễn biến chiến trường, lắng nghe ý kiến của chỉ huy các đơn vị; trao đổi, thảo luận trong Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch…, cuối cùng mới đi đến quyết định thay đổi phương châm tác chiến vào giờ chót, trước giờ "G” chỉ vài tiếng đồng hồ.

**Không chiến thắng bằng mọi giá**

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ và có lẽ trong suốt cuộc đời cầm quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” được coi là quyết định khó khăn nhất- như chính ông cũng từng thừa nhận.

Quyết định đó thể hiện tư duy quân sự sắc sảo, bản lĩnh của người cầm quân; nhưng đồng thời cũng là biểu hiện của sự thấm nhuần tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về “đánh chắc thắng”; thể hiện tính nhân văn, nhân nghĩa của một vị tướng “dĩ công vi thượng”, luôn biết đề cao vai trò của tập thể, hết sức tôn trọng ý kiến của tập thể vì lợi ích chung.

Trước khi đưa ra quyết định quan trọng này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp trao đổi, tham khảo ý kiến của Đoàn cố vấn; bàn bạc, thảo luận dân chủ trong Hội nghị Đảng ủy mở rộng và Bộ chỉ huy chiến dịch.

Tại thời điểm đó, không phải không có những ý kiến trái chiều, thậm chí không đồng tình với việc thay đổi phương châm tác chiến khi mà “giờ G” đã cận kề, bộ đội đã ở tư thế sẵn sàng nổ súng mở màn chiến dịch.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, bằng sự phân tích khoa học, sát thực với tình hình thực tế, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã bình tĩnh, kiên trì thuyết phục để tìm bằng được sự đồng thuận của các đồng chí trong Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch về quyết định thay đổi phương châm tác chiến một cách kịp thời.

Sau này, vào tháng 5/1984, trong buổi gặp mặt truyền thống nhân kỷ niệm 30 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, một số cán bộ chỉ huy – những người lúc đầu từng không hiểu rõ quyết định thay đổi phương châm tác chiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhưng không nói ra – đã thẳng thắn thừa nhận rằng, hồi đó mà cứ theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh”, không kịp thời và kiên quyết thay đổi phương châm tác chiến thì "chúng mình đã không còn có dịp hội ngộ với nhau tại đây như hôm nay".

Với bộ đội, với các lực lượng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng - Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch giống như người cha, người anh, người đồng chí thân thiết và gần gũi.

Trước nhiều trận đánh, Đại tướng đều viết thư động viên, thăm hỏi tình hình sức khỏe của bộ đội, dân công, thanh niên xung phong…

Trong điều kiện cực kỳ khó khăn, thiếu thốn của mặt trận lúc bấy giờ, ông thường xuyên quan tâm, nhắc nhở cơ quan hậu cần, chỉ huy các đơn vị chú ý chăm lo sức khỏe, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội; chăm lo bồi dưỡng cán bộ, biết thương yêu, quý trọng và tôn trọng họ.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người biết trọng dụng những người có đức, tài. Dưới “trướng” ông, nhiều trí thức xuất thân từ tầng lớp được coi là tiểu tư sản, những người thuộc tầng lớp trung nông, nhiều người chưa phải đảng viên… có đủ đức, tài đều được ông trọng dụng và tin cậy giao trọng trách quan trọng.

Nhiều người trong số đó đã chỉ huy bộ đội lập công xuất sắc ở Điện Biên Phủ và sau này đã trở thành những vị tướng kiệt xuất của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp là một vị tướng thương yêu bộ đội hết mực cho dù người đó giữ cương vị nào.

Là một nhà cầm quân đương nhiên cần phải khát khao chiến thắng, nhất lại là trong một chiến dịch có tầm quan trọng đặc biệt như chiến dịch Điện Biên Phủ, song với

Đại tướng Võ Nguyên Giáp không phải lúc nào cũng giành chiến thắng bằng mọi giá, mà chiến thắng đó phải luôn đi kèm với giảm hy sinh xương máu của bộ đội một cách thấp nhất.

Ở chiến dịch Điện Biên Phủ, việc quyết định thay đổi phương châm tác chiến từ "đánh nhanh, giải quyết nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc", ngoài yếu tố bảo đảm đánh chắc thắng ra, còn nhằm giảm tổn thất, hy sinh cho bộ đội, bởi đối với ông, quý trọng sinh mệnh của cán bộ và chiến sĩ và nhân dân.

Nói như cố Thượng tướng Trần Văn Trà thì "Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị Tổng Tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc từng giọt máu của mỗi chiến binh!".

Còn Tổng chỉ huy Henri Navarre khi nhận xét về quan hệ cán – binh của Việt Minh ở mặt trận Điện Biên Phủ đã từng phải thốt lên rằng: "Đã bao lần tôi phát ghen với tướng Giáp”!

Là một vị tướng bao dung, độ lượng và dễ gần, song Đại tướng Võ Nguyên Giáp lại là người cực kỳ nghiêm khắc trong công việc.

Tại cuộc họp kiểm điểm phê bình và tự phê bình trong Đợt 2 của chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng đã thẳng thắn nghiêm khắc phê bình: “Các đồng chí có xót xa không, khi bao nhiêu đồng chí của mình ngã xuống mà trận đánh không thành công do thiếu sót của lãnh đạo và chỉ huy?”.

Nói xong, ông lấy khăn ra lau nước mắt. Lời phê bình nghiêm khắc nhưng chân thành và thắm đượm tình cảm của vị chỉ huy cao nhất ấy đã làm cho những cán bộ có mặt cảm thấy thấm thía, nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm nặng nề của mình, một số người tỏ ra ân hận vì những sai lầm, khuyết điểm do mình gây nên.

Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với một nhãn quan chiến lược sắc sảo, một tinh thần nhân nghĩa, nhân ái, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận thức sâu sắc rằng, để chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi cần phải có một hậu phương chiến lược vững mạnh và một hậu phương tại chỗ được xây dựng bằng sức mạnh của “nhân sơn”,”nhân hải” .

Đối với đối phương, thấu triệt tinh thần "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo" của các bậc tiền nhân, Võ Nguyên Giáp không chỉ là một vị tướng biết đánh thắng địch bằng quân sự, mà còn biết thắng địch bằng nhân nghĩa, “biết khoan dung đối với kẻ địch đã đầu hàng”.

Không phải ngẫu nhiên mà nhiều người đã từng một thời đứng bên kia chiến tuyến, từ những tướng lĩnh của Pháp đến những người lính Âu-Phi... đều dành cho Đại tướng-Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp một sự kính trọng và khâm phục đặc biệt.

Tư tưởng nhân nghĩa được kết tinh từ truyền thống nhân văn trong chống giặc ngoại xâm của cha ông trên tinh thần “không vì tư thù, tư oán” được Võ Nguyên Giáp kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, sau trận mở màn chiến dịch, tiến công cụm cứ điểm Him Lam của Đại đoàn 312, quân Pháp thương vong rất lớn. Theo đề nghị của Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ thị cho ông Mạc Ninh thảo ngay một bức thư chuyển cho Bộ chỉ huy quân Pháp ở Điện Biên Phủ với thành ý cho phép ra Him Lam nhận thi thể các binh sĩ tử trận.

Việc làm đó thể hiện tinh thần nhân đạo và trên thực tế nó đã tạo ra một "sang chấn" về tâm lý đối với binh lính Pháp tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngay sau ngày chiến thắng, trên cánh đồng Mường Thanh và dọc theo bờ sông Nậm Rốm, ông cùng Bộ chỉ huy chiến dịch đã cho dựng hàng chục chiếc lều để cứu chữa cho tù, hàng binh bị thương. Một nữ tù binh sau khi được phẫu thuật cứu sống kịp thời đã thốt lên: “Cha mẹ tôi đã sinh ra tôi, nhưng chính là nhân dân và quân đội Việt Nam mới thực sự đã cứu tôi sống lại!"

Với chính mình, cái “tôi” trong con người Võ Nguyên Giáp là cái tôi “dĩ công vi thượng”. Ông là một người nghiêm khắc nhưng khiêm tốn, bình dị, bao dung và độ lượng. Suốt cả quá trình cầm quân ở Điện Biên Phủ người ta dường như ít thấy Đại tướng Võ Nguyên Giáp cáu gắt to tiếng với cấp dưới bao giờ.

Khi đề cập đến chiến thắng Điện Biên Phủ, trước tiên bao giờ Đại tướng cũng nhắc đến vai trò của Bác Hồ, Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy, nhắc đến đồng đội, đồng chí, đồng bào các dân tộc Tây Bắc và đồng bào cả nước…

Chất nhân văn trong con người Võ Nguyên Giáp cũng chính là hiện thân của tư tưởng nhân nghĩa, nhân văn trong văn hóa giữ nước của dân tộc Việt Nam được tích tụ qua hàng nghìn năm lịch sử và được tỏa sáng, phát triển lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

*Theo QĐND/Đại tá, PGS, TS Trần Ngọc Long*

*(Nguyên Phó viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam)*

**15-5-1941: Ngày thành lập Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh**

Từ năm 1925, sau khi sáng lập ra Việt Nam Thanh Niên cách mạng đồng chí hội - tiền thân của Đảng, Bác Hồ đã chỉ thị về nước, lựa chọn 1 số thanh niên ưu tú đưa ra nước ngoài đào tạo. Trong số 8 thanh thiếu niên lúc đó được Bác Hồ đích thân dạy dỗ có Lý Tự Trọng. Sau này anh đã hi sinh vì sự nghiệp cách mạng. Khi sáng lập ra tổ chức Đoàn, Đảng đã giao trách nhiệm lịch sử cho Đoàn trực tiếp phụ trách chỉ đạo các tổ chức thiếu niên, nhi đồng.

Nghị quyết đại hội Đảng Cộng Sản Đông Dương lần I (1/1935) ghi rõ: “Đoàn phụ trách tổ chức Hồng nhi đoàn, chỗ nào có chi bộ, Đoàn phải lập ra Hồng nhi đoàn, những đoàn viên dưới 16 tuổi nhất luận phải đưa qua Hồng nhi đoàn”.

Ngày 8/2/1941 sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Bác Hồ đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941 hội nghị Ban chấp hành Trung Ương Đảng lần thứ 8 đã họp và ra nghị quyết quan trọng đến vận mệnh nước nhà. Hội nghị đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh bao gồm nhiều tổ chức yêu nước.

Ngày 15/5/1942, theo chỉ đạo của Đảng, tổ chức Đội Thiếu Niên Tiền Phong và Đội Nhi Đồng cứu quốc đã được thành lập tại vùng Pắc Pó (Cao Bằng) do Đoàn Thanh Niên Cứu Quốc ( nay là Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh) trực tiếp phụ trách. Ngày 15/5/1941 đã được ban chấp hành Trung Ương Đảng đồng ý lấy ngày chính thức thành lập Đội.

Từ ngày thành lập đến nay, Đội đã qua nhiều lần đổi tên. Sự kiện đổi tên có ý nghĩa nhất là sau khi Chủ Tịch Hồ Chí Minh qua đời, thiếu nhi cả nước, ban chấp hành Trung Ương Đảng trong phiên họp ngày 30/1/1970 đã cho phép Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên được mang tên Bác.

**Nguồn: lichsuvietnam.vn**

**19-5-1890: Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh**

Hồ Chí Minh tên thật là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc và nhiều bí danh khác (19.5.1890 - 2.9.1969), là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc; người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ 20; danh nhân văn hoá thế giới. Quê Người ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra trong gia đình nhà nho yêu nước, lớn lên trong thời kì phong trào cứu nước sôi nổi và học trường Quốc học Huế, rồi làm giáo viên tiểu học.

Tháng 6.1911, Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp tàu buôn đô đốc Latusơ Tơrêvin (Latouche Tréville) của Pháp, rời Việt Nam tìm đường cứu nước, qua Pháp, Hoa Kì, Anh; cuối 1917, trở lại Pháp. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919). Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, với tên Nguyễn Ái Quốc, gửi đến Hội nghị Vecxay (Versailles) bản Yêu sách đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của nhân dân Việt Nam (1919). Năm 1920, tại Đại hội Tua (Tours) của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Tham gia thành lập Hội Liên hiệp Thuộc địa (1921); xuất bản báo "Le Paria" "Người cùng khổ" ở Pháp (1922). Năm 1923, được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân. Năm 1924, tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản; cán bộ Ban phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Năm 1925, tại Trung Quốc, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức; thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Quảng Châu với tổ chức nòng cốt là Cộng sản đoàn, đào tạo cán bộ và truyền bá chủ nghĩa Mac - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; xuất bản tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" (1925), báo "Thanh niên" (1926), "Đường kách mệnh" (1927).

Đầu 1930, chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, quyết định chính cương, điều lệ, sách lược vắn tắt của Đảng. Tháng 6.1931, bị đế quốc Anh bắt giam tại Hồng Kông (Hong Kong), được trả lại tự do (1933). Mùa xuân 1934, sang Liên Xô, vào học Trường Đại học Lênin, rồi làm nghiên cứu sinh ở Viện Nghiên cứu các vấn đề Dân tộc và Thuộc địa của Quốc tế Cộng sản tại Matxcơva. Năm 1935, tham gia Đại hội VII Quốc tế cộng sản với tư cách đại biểu tư vấn. Tháng 9.1938, rời Viện Nghiên cứu các vấn đề Dân tộc và Thuộc địa để về nước.

Ngày 28.1.1941, Hồ Chí Minh về Cao Bằng. Chủ trì Hội nghị VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5.1941) - hội nghị quyết định đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam, thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (tức Mặt trận Việt Minh). Năm 1942, bị chính quyền của Tưởng Giới Thạch bắt giam ở nhiều nhà tù của tỉnh Quảng Tây; trong hoàn cảnh đó, Hồ Chí Minh đã viết tập thơ "Nhật kí trong tù". Lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12.1944), xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 - 15.8.1945) và Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 - 17. 8.1945) tại Sơn Dương, Tuyên Quang, quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước; được Đại hội Quốc dân bầu làm chủ tịch Uỷ ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà).

Ngày 2.9.1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Đại biểu Quốc hội khoá I, II, III và được Quốc hội liên tục bầu làm chủ tịch nước (3.1946 - 9.1969). Từ 2.1951 đến 9. 1969, chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khoá II, III).

Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc Kháng chiến chống thực dân Pháp, Kháng chiến chống Mĩ cứu nước và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Các tác phẩm, các bài viết được in thành bộ sách "Hồ Chí Minh toàn tập" (gồm 12 tập). Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mac - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là tấm gương chói lọi về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, lòng yêu dân thắm thiết, gắn bó với nhân dân; về tinh thần đoàn kết, về đạo đức giản dị, khiêm tốn, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Hồ Chí Minh là nhà cách mạng, nhà tư tưởng vĩ đại của dân tộc Việt Nam; là một vĩ nhân được UNESCO phong danh hiệu "Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn". Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là "Thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỉ nguyên độc lập tự do của Tổ quốc, kỉ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta", "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ Tịch, người Anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta" (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng). Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của dân tộc ta.

**Nguồn: lichsuvietnam.vn**